

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

**Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012**
kèm theo Báo cáo Soát xét của Kiểm toán viên Độc lập
và Báo cáo của Ban Giám đốc

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Mục lục

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1
Báo cáo Soát xét của Kiểm toán viên Độc lập	3
Bảng Cân đối Kế toán hợp nhất	5
Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh Báo cáo Tài chính hợp nhất	10

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn đã được soát xét tại ngày 30 tháng 9 năm 2012 và cho kỳ chín tháng kết thúc cùng ngày.

1. Thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Những người sau đây là thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Mai Minh Tân	Chủ tịch	15 tháng 5 năm 2012	-
Ông Nguyễn Hữu Lam	Thành viên	28 tháng 3 năm 2009	-
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên	28 tháng 3 năm 2009	-
Ông Thomas Hermansen	Thành viên	28 tháng 3 năm 2009	-
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên	21 tháng 4 năm 2012	-
Ông Lâm Thiệu Quân	Thành viên	15 tháng 5 năm 2012	-
Ông Mai Tuấn Tú	Thành viên	23 tháng 4 năm 2011	-
Ông Nguyễn Thanh Khiết	Thành viên	23 tháng 4 năm 2011	21 tháng 4 năm 2012
Ông Lâm Thiệu Quân	Chủ tịch	27 tháng 6 năm 2009	15 tháng 5 năm 2012
Ông Trần Thanh Nguyên	Thành viên	01 tháng 4 năm 2006	21 tháng 4 năm 2012
Ông Hồ Quốc An	Thành viên	28 tháng 3 năm 2009	21 tháng 4 năm 2012

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Hương Giang	Trưởng ban	21 tháng 4 năm 2012	-
Bà Nguyễn Thị Thu Sương	Thành viên	28 tháng 3 năm 2009	-
Bà Trần Thu Lan	Thành viên	23 tháng 4 năm 2011	-
Ông Lê Trung Hà	Trưởng ban	23 tháng 4 năm 2011	21 tháng 4 năm 2012

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết	Tổng Giám Đốc	19 tháng 9 năm 2012	-
Ông Lâm Thiệu Quân	Tổng Giám Đốc	01 tháng 4 năm 2000	19 tháng 9 năm 2012

2. Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 9 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn cho kỳ chín tháng kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, tùy thuộc những khác biệt trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và áp dụng hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả trong việc lập các báo cáo tài chính phù hợp nhằm giảm thiểu các sai sót và gian lận.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012
Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc đảm bảo an toàn cho tài sản của Tập đoàn và do đó thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Tập đoàn đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 9 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ chín tháng kết thúc cùng ngày, tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành tại Việt Nam.



NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 27 tháng 11 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 119-21-11(FY2012)

**Gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong**

Chúng tôi đã soát xét bảng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong và các công ty con (“Tập đoàn”) tại ngày 30 tháng 9 năm 2012, và các báo cáo hợp nhất liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ cho kỳ chín tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (“các báo cáo tài chính hợp nhất”) như được trình bày từ trang 5 đến trang 39.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về các báo cáo tài chính hợp nhất này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa vào công việc soát xét của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Ngoại trừ các vấn đề được đề cập ở đoạn dưới đây, chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công việc soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tập đoàn và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính và do đó cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công việc kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán, và do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ngoại trừ

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu (“GLT”), là công ty con mà Tập đoàn sở hữu 44,99% vốn và nắm giữ 54,29% quyền biểu quyết tại ngày 30 tháng 9 năm 2012. Như được trình bày ở Thuyết minh số 38 trong Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, GLT có khoản công nợ tiềm tàng khoảng 12.786 triệu VNĐ liên quan đến việc truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động sản xuất thiết bị cất lọc sét trên đường nguồn từ năm 2008 đến năm 2011. Tại thời điểm lập báo cáo, GLT vẫn đang tiến hành giải trình với Tổng cục thuế về khoản truy thu thuế này và đang chờ quyết định cuối cùng từ Tổng Cục Thuế. Khoản công nợ tiềm tàng này chưa được điều chỉnh vào báo cáo tài chính hợp nhất ngày 30 tháng 9 năm 2012 và cho kỳ chín tháng kết thúc cùng ngày. Nếu khoản công nợ tiềm tàng này được điều chỉnh vào báo cáo tài chính hợp nhất thì lợi nhuận chưa phân phối và lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày 30 tháng 9 năm 2012 sẽ lần lượt giảm đi 5.752 triệu VNĐ và 7.034 triệu VNĐ, và thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả sẽ tăng lên 12.786 triệu VNĐ tại ngày 30 tháng 9 năm 2012. Việc điều chỉnh khoản công nợ tiềm tàng này phụ thuộc vào quyết định cuối cùng của Tổng cục thuế, ảnh hưởng liên quan sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất khi vấn đề được nhận biết và xác định một cách chắc chắn.

BÁO CÁO SOÁT XÉT CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Tập đoàn sở hữu 40,16% vốn thông qua đầu tư trực tiếp và gián tiếp vào Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Thạch Anh (“QEC”) và nắm giữ 75,02% quyền biểu quyết trong QEC (xem Thuyết minh số 1). Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012, giá trị tài sản ngắn hạn và tổng tài sản của Công ty QEC lần lượt chiếm khoảng 2% và 21% tài sản ngắn hạn và tổng tài sản phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Công ty QEC đã phát sinh lỗ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012, nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn của QEC tại ngày 30 tháng 9 năm 2012. Bên cạnh đó, công ty QEC nhận được thông báo từ phía ngân hàng cho vay yêu cầu chấm dứt hợp đồng vay trước hạn và thanh toán các khoản vay (xem Thuyết minh số 21 và 25). Do tình hình hoạt động và tài chính của Công ty QEC đang gặp khó khăn, Hội đồng Quản trị của Công ty QEC đang trong quá trình lựa chọn phương án tối ưu để giải quyết dự án nhà máy Công ty QEC nhằm giảm thiểu thiệt hại cho cổ đông. Theo đó, khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty QEC tại thời điểm lập báo cáo này là không chắc chắn. Nếu giả định hoạt động liên tục không được áp dụng, những điều chỉnh có thể phát sinh liên quan đến việc thanh lý và phân loại tài sản và phân loại các khoản nợ phải trả nhằm phản ánh thực tế rằng Công ty QEC cần phải đánh giá lại tài sản và thanh toán các khoản nợ trong điều kiện khác với hoạt động kinh doanh bình thường. Số liệu sau khi điều chỉnh có thể khác biệt trọng yếu so với những số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính của Công ty QEC. Tuy nhiên, tại thời điểm hiện tại, chúng tôi không thể lượng hóa được những điều chỉnh cần thiết này và ảnh hưởng của chúng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 9 năm 2012 và cho kỳ chín tháng kết thúc cùng ngày.

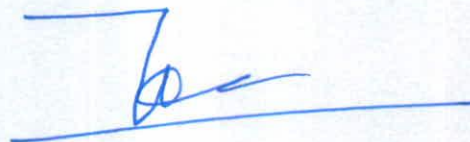
Kết luận

Dựa trên công việc soát xét của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của các vấn đề đã được nêu ở các đoạn trên đến các báo cáo tài chính hợp nhất, chúng tôi không thấy bất kỳ vấn đề đáng chú ý nào khác để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 9 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành tại Việt Nam.

Công việc soát xét của chúng tôi được tiến hành nhằm mục đích đưa ra báo cáo soát xét về các báo cáo tài chính hợp nhất cơ bản một cách tổng thể. Những thông tin bổ sung tại Phụ lục 1 đến Phụ lục 3 từ trang 40 đến trang 46 không phải là một phần của báo cáo tài chính hợp nhất cơ bản này. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các thông tin này. Những thông tin này không phụ thuộc vào các thủ tục soát xét chúng tôi áp dụng trong quá trình soát xét các báo cáo tài chính hợp nhất cơ bản của Tập đoàn, do đó chúng tôi không đưa ra kết luận về những thông tin này.



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn NEXIA AC PA
Số Đăng ký Kinh doanh: 0102012231





NGUYỄN QUỐC TUẤN
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0253/KTV
Phó Tổng Giám đốc

NGUYỄN MẠNH TUẤN
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0817/KTV
Kiểm toán viên

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 27 tháng 11 năm 2012

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30 tháng 9 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		353.744.229.843	422.275.406.282
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	42.035.764.800	50.601.583.927
Tiền	111		20.378.959.169	37.497.448.822
Các khoản tương đương tiền	112		21.656.805.631	13.104.135.105
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	3.924.724.759	11.282.011.827
Đầu tư tài chính ngắn hạn	121		3.924.724.759	11.282.011.827
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		141.523.749.803	193.586.625.704
Phải thu khách hàng	131	37	127.611.601.430	170.867.316.744
Trả trước cho người bán	132		12.309.473.026	20.351.219.451
Phải thu khác	135	6;37	4.905.264.757	4.656.036.989
Dự phòng phải thu khó đòi	139	7	(3.302.589.410)	(2.287.947.480)
Hàng tồn kho	140	8	145.355.485.958	129.110.898.997
Hàng tồn kho	141		153.484.208.771	135.752.767.456
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.128.722.813)	(6.641.868.459)
Tài sản ngắn hạn khác	150		20.904.504.523	37.694.285.827
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	2.583.014.492	3.517.491.118
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.139.802.168	6.576.074.561
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		31.861.171	12.016.278
Tài sản ngắn hạn khác	158	10	12.149.826.692	27.588.703.870
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		324.572.728.427	344.912.117.628
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	3.000.000
Phải thu dài hạn khác	218		-	3.000.000
Tài sản cố định	220		218.166.290.603	228.381.333.181
Tài sản cố định hữu hình	221	11	150.675.575.827	159.179.718.543
- Nguyên giá	222		177.828.621.934	176.872.015.253
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.153.046.107)	(17.692.296.710)
Tài sản cố định vô hình	227	12	66.543.779.796	67.965.095.717
- Nguyên giá	228		72.199.163.448	70.498.746.381
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.655.383.652)	(2.533.650.664)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	946.934.980	1.236.518.921
Bất động sản đầu tư	240	14	12.529.095.167	15.505.224.590
- Nguyên giá	241		39.923.706.153	38.179.543.108
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(27.394.610.986)	(22.674.318.518)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		59.760.945.906	64.131.569.805
Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	51.263.241.129	46.021.465.334
Đầu tư dài hạn khác	258	16	11.474.173.073	20.110.104.471
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	17	(2.976.468.296)	(2.000.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		31.247.840.525	33.769.325.924
Chi phí trả trước dài hạn	261	18	24.406.417.972	26.720.690.897
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	34	1.748.437.802	1.777.144.427
Tài sản dài hạn khác	268	19	5.092.984.751	5.271.490.600
Lợi thế thương mại	269	20	2.868.556.226	3.121.664.128
TỔNG TÀI SẢN	270		678.316.958.270	767.187.523.910

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết	30 tháng 9 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
		minh		
NỢ PHẢI TRẢ	300		339.130.471.675	385.452.284.970
Nợ ngắn hạn	310		274.403.491.425	291.158.127.023
Vay ngắn hạn	311	21	96.803.407.871	70.920.991.432
Phải trả người bán	312	37	72.281.900.499	110.908.715.294
Người mua trả tiền trước	313		45.697.303.379	32.846.728.105
Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	22	20.448.761.134	33.045.927.869
Phải trả người lao động	315		571.199.753	9.012.839.920
Chi phí phải trả	316	23	11.829.779.359	6.481.481.348
Phải trả nội bộ	318		-	37.782.561
Phải trả khác	319	24;37	14.028.034.347	13.530.313.010
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		8.633.803.171	8.493.596.419
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.109.301.912	5.879.751.065
Nợ dài hạn	330		64.726.980.250	94.294.157.947
Phải trả dài hạn khác	333		1.159.905.985	1.228.632.200
Vay dài hạn	334	25	52.411.095.834	87.696.208.298
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336		1.070.830.046	1.318.040.858
Doanh thu chưa thực hiện	338		7.344.974.994	1.027.167.454
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		2.740.173.391	3.024.109.137
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		209.328.208.071	221.724.923.120
Vốn chủ sở hữu	410	26	209.328.208.071	221.724.923.120
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		127.711.950.000	116.103.990.000
Cổ phiếu quỹ	414		(15.680.000)	(15.680.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	106.863.282
Quỹ dự phòng tài chính	418		3.123.098.534	3.512.427.325
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		78.508.839.537	102.017.322.513
LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỂU SỐ	439	27	129.858.278.524	160.010.315.820
TỔNG NGUỒN VỐN	440		678.316.958.270	767.187.523.910

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính hợp nhất này.

Người lập:



TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG DUNG
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 27 tháng 11 năm 2012

Người phê duyệt:



NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012	Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	390.956.230.746	367.315.492.220
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	(108.111.615)	(240.116.194)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	28	390.848.119.131	367.075.376.026
Giá vốn hàng bán	11	29;39	(297.281.836.406)	(259.187.240.019)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		93.566.282.725	107.888.136.007
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	5.341.848.080	15.380.432.545
Chi phí tài chính	22	31	(21.317.370.396)	(11.504.338.816)
Chi phí bán hàng	24	39	(29.779.449.577)	(30.848.584.433)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	39	(40.059.743.569)	(35.988.811.138)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.751.567.263	44.926.834.165
Thu nhập khác	31	32	2.251.209.015	2.036.535.039
Chi phí khác	32	33	(5.347.413.254)	(454.560.562)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	40		(3.096.204.239)	1.581.974.477
Thu nhập từ đầu tư vào các công ty liên kết	45	15	5.241.775.794	3.317.135.022
Lợi nhuận kế toán trước thuế	50	34	9.897.138.818	49.825.943.664
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34	(6.248.004.970)	(10.313.318.853)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	34	(28.706.625)	627.205.037
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.620.427.223	40.139.829.848
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông thiểu số	61	27	(1.113.906.695)	15.586.575.116
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông công ty mẹ	62	26	4.734.333.918	24.553.254.732
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	382	2.115

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính hợp nhất này.

Người lập:

TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG DUNG
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 27 tháng 11 năm 2012

Người phê duyệt:



NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (phương pháp gián tiếp)
cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012	Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế trong kỳ	01	9.897.138.818	49.825.943.664
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao và phân bổ	02	23.724.051.732	9.229.944.508
Thay đổi các khoản dự phòng	03	3.666.151.584	(2.435.438.303)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(95.950.489)	(577.280.345)
Lỗ/(lãi) từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	05	2.506.334	(14.411.120)
Lãi từ hoạt động đầu tư	06	(10.136.810.386)	(16.790.804.575)
Chi phí lãi vay	07	19.138.892.157	6.810.563.120
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi của vốn lưu động			
	08	46.195.979.750	46.118.766.596
Giảm các khoản phải thu	09	52.650.456.142	73.778.973.841
Tăng hàng tồn kho	10	(17.731.441.315)	(106.051.473.044)
Giảm các khoản phải trả và chi phí phải trả	11	(58.260.350.203)	(13.318.284.225)
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	934.476.626	(1.406.465.619)
Tiền lãi vay đã trả	13	(18.180.795.749)	(9.571.321.304)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(13.192.512.683)	(3.677.476.491)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	(2.110.294.703)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	16	15.617.383.027	2.844.143.492
Lưu chuyển tiền thuần cung cấp từ/(sử dụng cho) hoạt động kinh doanh	20	8.033.195.595	(13.393.431.457)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(5.738.663.289)	(76.750.267.985)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	577.092.318	46.500.000
Tiền chi cho vay, mua lại các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(63.743.218.864)	(220.257.243.445)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	70.800.505.932	218.270.824.019
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(5.833.052.775)
Thu hồi các khoản đầu tư ngắn hạn	26	7.885.931.398	26.757.515.191
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.532.102.516	4.210.119.553
Lưu chuyển tiền thuần cung cấp từ/(sử dụng cho) hoạt động đầu tư	30	13.313.750.011	(56.251.492.740)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Nhận góp vốn của cổ đông thiểu số	31	1.683.483.692	11.168.500.000
Chi tiền mua vốn góp của cổ đông thiểu số	32	(7.920.000.000)	-
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	143.197.174.916	200.052.227.629
Tiền chi trả nợ gốc vay ngắn hạn và dài hạn	34	(151.549.870.941)	(160.159.005.113)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(15.323.552.400)	(9.287.064.800)
Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng cho)/cung cấp từ hoạt động tài chính	40	(29.912.764.733)	41.774.657.716

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)
cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012	Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012
GIẢM TIỀN THUẬN TRONG KỲ	50		(8.565.819.127)	(27.870.266.481)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	4	50.601.583.927	49.229.141.377
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	4	42.035.764.800	21.358.874.896


Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính hợp nhất này.

BỘ SUNG THUYẾT MINH VỀ GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN CHỦ YẾU

Trong kỳ có các giao dịch không bằng tiền chủ yếu sau :

Nội dung	Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012	Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011
Tăng vốn bằng chia cổ tức bằng cổ phiếu	11.607.960.000	-
Kết chuyển chi phí xây dựng cơ bản dở dang sang tài sản cố định	187.200.000	40.544.738.836
Kết chuyển tài sản cố định sang chi phí trả trước dài hạn	1.220.404.011	-
Kết chuyển chi phí xây dựng cơ bản dở dang sang bất động sản đầu tư	1.611.618.110	-
Mua tài sản cố định chưa thanh toán	2.814.483.867	1.445.611.999
Cán trừ khoản đầu tư dài hạn với khoản vay ngắn hạn	1.050.000.000	-
Góp vốn bằng chuyển giao công nghệ	-	2.616.100.000
Kết chuyển khấu hao tài sản cố định sang chi phí trả trước dài hạn	-	477.690.616
Vốn hóa chi phí lãi vay vào nguyên giá tài sản cố định	-	6.344.504.300

Người lập:


TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG DUNG
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 27 tháng 11 năm 2012

Người phê duyệt:




NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật cao ITD) ("Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0301596604 (trước đây là số 063371) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 1 năm 1999. Sau đó, Công ty đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh để tăng vốn điều lệ, mở rộng ngành nghề kinh doanh, mở văn phòng đại diện và thay đổi trụ sở chính.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Số 1, đường Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty có 2 văn phòng đại diện tại Hà Nội và Đà Nẵng.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh; đại lý môi giới, đấu giá, lắp đặt hệ thống điện; hoạt động thiết kế chuyên dụng; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; sửa chữa máy móc, thiết bị; hoạt động viễn thông có dây; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; hoạt động viễn thông khác; nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật; tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện; lắp trình máy vi tính; và bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.

Vốn điều lệ được phê duyệt của Công ty là 127.711.950.000 VNĐ. Các cổ đông chủ yếu của Công ty gồm có:

Cổ đông	30 tháng 9 năm 2012		31 tháng 12 năm 2011	
	Số cổ phiếu	% quyền sở hữu	Số cổ phiếu	% quyền sở hữu
Ông Nguyễn Anh Dũng	1.523.890	11,93%	1.385.355	11,93%
Công ty TNHH TM DV Kiều Phong	1.100.000	8,61%	1.191.960	10,27%
Vietnam Infrastructure Holding Limited	1.734.519	13,58%	1.576.835	13,58%
Vietnam Investment Limited	1.181.601	9,25%	1.074.183	9,25%
Các cổ đông khác	7.231.185	56,62%	6.382.066	54,97%
	12.771.195	100%	11.610.399	100%

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2012 và cho kỳ chín tháng kết thúc cùng ngày bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là "Tập đoàn") và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết. Các công ty con và công ty liên kết quan trọng được hợp nhất trong báo cáo gồm:

Tên công ty con	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn do Công ty nắm giữ	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	Mua bán, sản xuất và cung cấp các dịch vụ liên quan đến thiết bị điện, điện tử, điện máy, máy tính, thiết bị văn phòng và các thiết bị đo lường công nghiệp	56,99%	56,99%
Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tinh	Mua bán và cung cấp dịch vụ liên quan đến máy tính, phần mềm, thiết bị điện, điện tử, máy văn phòng, kim khí điện máy, tin học và viễn thông	82,74%	82,74%
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	Mua bán, lắp đặt thiết bị cơ khí, thiết bị phục vụ xây dựng và công nghiệp, thiết bị điện, điện tử, tin học và viễn thông.	50,51%	50,51%

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tên công ty con	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn do Công ty nắm giữ	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Công nghệ Tín Thông	Mua bán, sản xuất và cung cấp các dịch vụ liên quan đến vật tư, máy móc ngành công nghiệp, dân dụng, điện tử và tin học	71,79%	71,79%
Công ty TNHH Một thành viên Phần mềm Tiên Phong	Sản xuất và cung cấp dịch vụ liên quan đến các phần mềm tin học	100%	100%
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu (*)	Mua bán, sản xuất và cung cấp các dịch vụ liên quan đến thiết bị điện, điện tử và viễn thông	44,99%	54,29%
Công ty Cổ phần Thiết bị điện Thạch Anh (**)	Sản xuất thiết bị điện, máy phát điện, máy biến thế, pin, ắc quy, dây cáp và sợi cáp	40,16%	75,02%
Công ty TNHH Liên doanh Global Sitem (***)	Mua bán và cung cấp dịch vụ liên quan đến thiết bị điện	22,95%	51,00%
Công ty Cổ phần Inno (***)	Sản xuất thiết bị điện, điện tử, chống sét, viễn thông và trung tâm dữ liệu cho thuê	44,97%	99,96%

Tên công ty liên kết	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn do Công ty nắm giữ	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vận	Mua bán, sản xuất và cung cấp các dịch vụ liên quan đến thiết bị điện, điện tử, phần mềm, truyền thông, giao thông vận tải và thiết bị văn phòng	32,00%	32,00%
Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong	Mua bán và cung cấp dịch vụ liên quan đến thiết bị điện, phần mềm, máy tính, tin học và viễn thông	64,92%	38,50%
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu (***)	Thi công, xây lắp công trình dân dụng, công nghiệp và hệ thống điện; cho thuê thiết bị viễn thông, điện, nhà trạm và cột ăng ten	18,45%	41,00%

Trong đó:

- (*) Công ty được nhận ủy quyền quyền biểu quyết của các cổ đông cá nhân với tỷ lệ 9,3% vốn cổ phần thực góp trong Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 9,3%) để nắm tổng số quyền biểu quyết trong Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu là 54,29% tại ngày 30 tháng 9 năm 2012 (31 tháng 12 năm 2011: 52,87%).
- (**) Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong đầu tư trực tiếp là 4,42%, đầu tư gián tiếp qua Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh là 35,74%.
- (***) Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong đầu tư gián tiếp qua Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012, Tập đoàn có 409 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 521 nhân viên).

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này:

2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VNĐ"), được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán phổ biến ở các quốc gia và các thể chế khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo này không nhằm dành cho những đối tượng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán Việt Nam.

Các báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Tập đoàn áp dụng nhất quán các chính sách kế toán trong năm và cũng nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong năm trước.

2.2. Cơ sở hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có khả năng trực tiếp hay gián tiếp, điều hành các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có xét đến quyền biểu quyết tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.

Các công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày kết thúc ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi khoản lỗ đó nằm trong phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với tài khoản vốn của công ty được đầu tư được loại trừ với khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty được đầu tư.

2.3. Năm tài chính

Trong kỳ, Tập đoàn đã thay đổi năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 sang ngày 31 tháng 3. Các báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 9 năm 2012. Năm tài chính đầu tiên sau khi chuyển đổi bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 31 tháng 3 năm 2013. Các năm tài chính tiếp theo sẽ bắt đầu từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 31 tháng 3.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.4. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các ngoại tệ khác với đơn vị tiền tệ VNĐ trên báo cáo của Tập đoàn phát sinh trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái tương ứng tại ngày giao dịch. Tại ngày kết thúc niên độ, các khoản mục tài sản và nợ có gốc bằng ngoại tệ khác với VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán.

2.5. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành khác tại Việt Nam đòi hỏi Ban Giám đốc phải có những ước tính và giá định có ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về tài sản, nợ và việc trình bày các khoản tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

2.6. Công cụ tài chính

Công cụ tài chính được ghi nhận và trình bày theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính.

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản cho vay và công cụ tài chính đã niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, không có yêu cầu xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.7. Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có độ thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ để đáp ứng các khoản cam kết thanh toán ngắn hạn mà không phải cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

2.8. Các khoản phải thu ngắn hạn

Các khoản phải thu ngắn hạn được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi đã trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào sự đánh giá của Ban Giám đốc trên các khoản phải thu có dấu hiệu không có khả năng thu hồi.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá vốn hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan để đưa hàng tồn kho đến vị trí và điều kiện hiện tại. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí sản xuất để hoàn thành sản phẩm, chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá; kém phẩm chất, lỗi thời v.v) có thể xảy ra đối với vật tư thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

2.10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không thể sử dụng được nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi, lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

Nguyên giá

Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

Giá trị hao mòn

Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cho từng khoản mục của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 30
Máy móc và thiết bị	2 - 20
Phương tiện vận tải	3 - 6
Thiết bị văn phòng	2 - 8
Tài sản cố định hữu hình khác	2

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét định kỳ để đảm bảo rằng phương pháp khấu hao và kỳ khấu hao là nhất quán với lợi ích kinh tế ước tính thu được từ tài sản cố định hữu hình.

2.11. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá quyền sử dụng đất phản ánh tiền thuê đất trả trước và các chi phí liên quan đến việc sử dụng đất thuê đối với diện tích đất thuê đã có Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất. Giá trị hao mòn của Quyền sử dụng đất được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 31 đến 45 năm.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Quyền sử dụng công nghệ

Quyền sử dụng công nghệ bao gồm quyền sử dụng công nghệ chính thức nhận dưới dạng vốn góp (50%) và giá mua (50%). Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng công nghệ được xác định dựa trên thỏa thuận giữa Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong, Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh và Electrotecnica Artech Hermanos - S.A tại thời điểm nhận quyền sử dụng công nghệ. Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm dựa trên khoảng thời gian dự tính sẽ thu được các lợi ích từ quyền sử dụng công nghệ.

Phần mềm

Giá mua của phần mềm mới mà phần mềm này là một bộ phận tách rời với phần cứng có liên quan được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

Bản quyền

Bản quyền trình bày giá mua bản quyền phần mềm thu phí giao thông. Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 năm, bắt đầu từ đầu năm 2008.

2.12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh chi phí xây dựng tài sản chưa hoàn thành và được phản ánh theo nguyên giá. Không tính hao mòn cho xây dựng cơ bản dở dang trong giai đoạn lắp đặt cho tới khi các tài sản đó được hoàn thành và đem vào sử dụng.

2.13. Bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua của tài sản và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của bất động sản đầu tư.

Giá trị hao mòn

Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của bất động sản đầu tư. Ước tính thời gian sử dụng hữu ích như sau:

	<u>Năm</u>
Trạm thu phát sóng	5 - 6

2.14. Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập dựa vào sự đánh giá của Ban Giám đốc. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.15. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại các công ty con. Lợi thế thương mại được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại xác định bằng khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và các nghĩa vụ nợ có thể xác định được của công ty con tại ngày mua. Khoản chênh lệch có giá trị âm (bất lợi thương mại) được ghi nhận trực tiếp vào lãi hoặc lỗ. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm.

2.16. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí thuê đất trả trước

Chi phí thuê đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong 30 năm kể từ ngày của hợp đồng thuê.

Chi phí hội viên câu lạc bộ Gòn

Chi phí hội viên câu lạc bộ Gòn được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 44 năm.

Nâng cấp văn phòng

Nâng cấp văn phòng được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

Chi phí thành lập

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh cho việc thành lập doanh nghiệp được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ khi doanh nghiệp bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động bao gồm các chi phí đào tạo, quảng cáo và khuyến mãi trước khi doanh nghiệp chính thức hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ khi doanh nghiệp bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 2 đến 5 năm.

Phí chuyển giao công nghệ

Phí chuyển giao công nghệ trình bày phí chuyển giao công nghệ, được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

2.17. Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận theo giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.18. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được trích lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp có cam kết bảo hành. Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Tập đoàn được ước tính bằng 0,35% đến 5,00% doanh thu. Các khoản dự phòng phải trả được xem xét và điều chỉnh lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

2.19. Trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được sử dụng cho đầu tư khoa học và công nghệ. Quỹ này được trích lập trên lợi nhuận trước thuế dựa trên tỷ lệ lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu hàng năm và hạch toán vào chi phí. Cụ thể như sau:

<u>Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân</u>	<u>Tỷ lệ trích</u>
Nhỏ hơn 20%	0%
Từ 20% đến 25%	2%
Từ 25% đến 30%	4%
Từ 30% đến 35%	6%
Từ 35% đến 40%	8%
Lớn hơn 40%	10%

2.20. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các lợi ích có liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ hoàn thành được xác định dựa trên việc đánh giá các công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi của các khoản phải thu.

Thu nhập cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

2.21. Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Những ưu đãi thuê được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một phần không thể tách rời trong tổng chi phí thuê.

2.22. Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong năm khi các chi phí này phát sinh.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.23. Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu và phần suy giảm trên cổ phiếu ("EPS") đối với cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Phần suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

2.24. Báo cáo bộ phận

Mỗi bộ phận là một hợp phần riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với bộ phận khác. Báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là dựa theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh. Tập đoàn hoạt động ở Việt Nam, là một khu vực địa lý duy nhất.

2.25. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thuế thu nhập phải nộp hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập phải nộp hiện hành được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán và bất kỳ khoản điều chỉnh thuế phải nộp nào có liên quan đến các năm khác. Thu nhập chịu thuế có thể có sự khác biệt so với lợi nhuận báo cáo trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh do thu nhập chịu thuế có thể không bao gồm các khoản thu nhập và chi phí đã nộp thuế hoặc đã khấu trừ trong các năm khác và có thể không bao gồm những khoản thu nhập hoặc chi phí không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo phương pháp nợ trên bảng cân đối kế toán cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả chỉ được bù trừ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp có liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

2.26. Các bên liên quan

Các bên liên quan của Tập đoàn bao gồm các cổ đông và các công ty liên kết của Công ty, và các cổ đông, nhà đầu tư và các công ty liên kết của các Công ty con.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.27. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ sự kiện đã xảy ra và gần như chắc chắn Tập đoàn sẽ phải thanh toán nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định dựa trên những ước tính đáng tin cậy của Ban Giám đốc về giá trị của nghĩa vụ nợ đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của khoản dự phòng cũng cần được xác định là giá trị hiện tại của khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ đó.

2.28. Các sự kiện không chắc chắn

Các khoản nợ tiềm tàng không được ghi nhận vào báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng được công bố trừ khi không xác định được khả năng phát sinh một khoản chi để mang lại lợi ích kinh tế.

Tài sản tiềm tàng không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất nhưng được công bố khi nó có thể mang lại lợi ích kinh tế.

2.29. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình của Tập đoàn tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất nếu trọng yếu.

2.30. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được công bố ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính hợp nhất này.

3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn.

Kết quả của bộ phận bao gồm các mục được phân bổ trực tiếp tới một bộ phận hoặc nhiều bộ phận dựa trên một cơ sở hợp lý. Những mục khác không nên được phân bổ tới các bộ phận bao gồm tài sản và nợ phải trả, thu nhập tài chính và chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý, thu nhập khác và chi phí khác, và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh	Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012			Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011		
	Doanh thu thuần	Giá vốn hàng bán	Lãi gộp	Doanh thu thuần	Giá vốn hàng bán	Lãi gộp
Điện – Điện tử	83.674.893.635	(60.740.609.420)	22.934.284.215	91.012.060.159	(59.952.067.716)	31.059.992.443
Viễn thông – Tin học	73.401.700.368	(60.950.786.103)	12.450.914.265	87.821.385.063	(61.405.108.956)	26.416.276.107
Điện – Điện công nghiệp	140.434.502.134	(111.883.259.627)	28.551.242.507	131.971.050.496	(99.774.721.858)	34.196.328.638
Hạ tầng – Giao thông	87.337.022.994	(63.707.181.256)	23.629.841.738	54.270.880.308	(32.933.755.415)	21.337.124.893
	390.848.119.131	(297.281.836.406)	93.566.282.72	367.075.376.026	(254.065.653.945)	113.009.722.081

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30 tháng 9 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
Tiền mặt	2.104.072.547	865.679.251
Tiền gửi ngân hàng	18.274.886.622	36.631.769.571
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng)	21.656.805.631	13.104.135.105
	42.035.764.800	50.601.583.927

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 9 năm 2012 bao gồm số ngoại tệ khác với VNĐ như sau:

	30 tháng 9 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
Nguyên tệ:		
- Đô la Mỹ ("USD")	13.932	19.736
- Euro ("EUR")	4.055	5.079

5. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	30 tháng 9 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
Các khoản vay cung cấp cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu, công ty liên kết, với lãi suất từ 18,00% đến 19,80% một năm (2011: 18% đến 19,80% một năm)	-	6.468.268.392
Khoản vay cung cấp cho Công ty Cổ phần Thái Sơn Tiên Phong, bên liên quan, với lãi suất 18% một năm (2011:18%)	500.000.000	800.000.000
Khoản vay cung cấp cho Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong với lãi suất 16,2% một năm (2011: 16,2% một năm)	300.000.000	200.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại các ngân hàng	3.124.724.759	3.813.743.435
	3.924.724.759	11.282.011.827

6. Phải thu khác

	30 tháng 9 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
Phải thu lãi vay	2.177.140.634	283.520.641
Khoản phải thu hồi vốn góp từ công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật điện Toàn Cầu (*)	1.000.000.000	1.000.000.000
Phải thu các công ty liên kết	351.556.004	255.869.092
Khoản vay cung cấp cho Công ty Cổ phần Định Vị Tiên Phong mượn tiền và không tính lãi suất	290.000.000	-
Thuế giá trị gia tăng chưa kê khai khấu trừ	232.125.330	1.600.416.616
Chi hộ cho các đơn vị ủy thác xuất, nhập khẩu	-	483.740.736
Phải thu khác	854.442.789	1.080.737.004
	4.905.264.757	4.656.036.989

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

- (*) Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 16 tháng 11 năm 2011 quyết định giải thể Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu. Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu chưa chính thức đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh và tại ngày 30 tháng 9 năm 2012, Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu đã nộp hồ sơ xin giải thể và đang trong quá trình làm thủ tục giải thể. Do đó, khoản đầu tư của Tập đoàn vào Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu được phân loại sang phải thu khác để chờ xử lý.

7. Dự phòng phải thu khó đòi

Biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong kỳ/năm như sau:

	Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Số dư đầu kỳ/năm	2.287.947.480	1.607.544.249
Dự phòng tăng trong kỳ/năm	1.489.964.373	1.360.958.088
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ/năm	(287.135.439)	(680.554.857)
Xóa sổ nợ phải thu khó đòi trong kỳ/ năm	(188.187.004)	-
Số dư cuối kỳ/năm	3.302.589.410	2.287.947.480

8. Hàng tồn kho

	30 tháng 9 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
Hàng mua đang đi đường	-	1.377.479.942
Nguyên vật liệu	7.708.971.608	7.224.026.700
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	84.269.393.810	58.196.073.978
Thành phẩm	2.138.473.993	854.345.799
Công cụ dụng cụ	17.053.031	-
Hàng hóa	55.848.199.901	67.873.729.696
Hàng gửi đi bán	3.502.116.428	227.111.341
	153.484.208.771	135.752.767.456
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(8.128.722.813)	(6.641.868.459)
	145.355.485.958	129.110.898.997

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ/năm như sau:

	Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Số dư đầu kỳ/năm	6.641.868.459	5.397.155.131
Tăng trong kỳ/năm	1.666.620.981	1.619.116.293
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ/năm	(179.766.627)	(374.402.965)
Số dư cuối kỳ/năm	8.128.722.813	6.641.868.459

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Tiền thuê đất cho trạm thu phát sóng	Tiền thuê mặt bằng, văn phòng, kho	Công cụ dụng cụ	Khác	Tổng cộng
Số dư đầu kỳ	2.268.652.078	120.039.400	592.460.092	536.339.548	3.517.491.118
Tăng trong kỳ	3.734.812.400	138.496.564	189.107.812	2.608.177.389	6.670.594.165
Phân bổ trong kỳ	(4.543.456.571)	(209.932.455)	(372.375.177)	(2.479.306.588)	(7.605.070.791)
Số dư cuối kỳ	1.460.007.907	48.603.509	409.192.727	665.210.349	2.583.014.492

10. Tài sản ngắn hạn khác

	30 tháng 9 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
Đặt cọc, ký quỹ ngắn hạn	8.116.824.379	18.820.604.257
Ký quỹ bảo lãnh bảo hành dự án	2.030.983.315	-
Tạm ứng cho nhân viên	2.002.018.998	8.767.965.984
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	133.629
	12.149.826.692	27.588.703.870

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	93.285.787.569	55.148.208.911	15.598.893.981	12.783.308.312	55.816.480	176.872.015.253
Tăng trong kỳ	159.055.063	721.000.000	-	2.719.718.157	-	3.599.773.220
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	187.200.000	-	-	-	-	187.200.000
Tăng khác	-	-	-	55.162.335	-	55.162.335
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(1.220.404.011)	-	-	-	-	(1.220.404.011)
Thanh lý/xóa sổ	-	(132.615.300)	(966.649.772)	(565.859.791)	-	(1.665.124.863)
Số dư cuối kỳ	92.411.638.621	55.736.593.611	14.632.244.209	14.992.329.013	55.816.480	177.828.621.934
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	(965.985.134)	(2.392.279.193)	(6.714.767.206)	(7.563.448.697)	(55.816.480)	(17.692.296.710)
Hao mòn trong kỳ	(2.938.663.614)	(4.390.647.197)	(1.648.571.459)	(1.556.719.828)	-	(10.534.602.098)
Tăng khác	-	-	-	(55.162.335)	-	(55.162.335)
Thanh lý/xóa sổ	-	132.615.300	447.179.227	549.220.509	-	1.129.015.036
Số dư cuối kỳ	(3.904.648.748)	(6.650.311.090)	(7.916.159.438)	(8.626.110.351)	(55.816.480)	(27.153.046.107)
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	92.319.802.435	52.755.929.718	8.884.126.775	5.219.859.615	-	159.179.718.543
Số dư cuối kỳ	88.506.989.873	49.086.282.521	6.716.084.771	6.366.218.662	-	150.675.575.827

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012, nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị và một số phương tiện vận tải có giá trị còn lại xấp xỉ 149.084 triệu VNĐ (31 tháng 12 năm 2011: 102.912 triệu VNĐ) được thế chấp tại các Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") – Chi nhánh Hồ Chí Minh, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam ("Techcombank") và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu ("ACB") để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (xem Thuyết minh 21 và 25).

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định hữu hình có một số tài sản với nguyên giá xấp xỉ 8.387 triệu VNĐ đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 9 năm 2012 (31 tháng 12 năm 2011: 8.090 triệu VNĐ) nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Quyền sử dụng công nghệ	Phần mềm	Bản quyền	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	43.896.062.525	25.599.105.556	673.578.300	330.000.000	70.498.746.381
Tăng trong kỳ	-	1.540.666.667	167.800.000	-	1.708.466.667
Giảm khác	(8.049.600)	-	-	-	(8.049.600)
Số dư cuối kỳ	43.888.012.925	27.139.772.223	841.378.300	330.000.000	72.199.163.448
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	(1.627.891.237)	(213.326.000)	(417.433.427)	(275.000.000)	(2.533.650.664)
Hao mòn trong kỳ	(906.342.377)	(2.035.484.001)	(124.906.610)	(55.000.000)	(3.121.732.988)
Số dư cuối kỳ	(2.534.233.614)	(2.248.810.001)	(542.340.037)	(330.000.000)	(5.655.383.652)
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	42.268.171.288	25.385.779.556	256.144.873	55.000.000	67.965.095.717
Số dư cuối kỳ	41.353.779.311	24.890.962.222	299.038.263	-	66.543.779.796

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012, Quyền sử dụng đất với giá trị còn lại khoảng 41.354 triệu VNĐ (31 tháng 12 năm 2011: 42.268 triệu VNĐ) được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công Thương – Chi nhánh Nam Sài Gòn và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn (xem Thuyết minh số 21 và 25).

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định vô hình có một số tài sản với nguyên giá xấp xỉ 521 triệu VNĐ đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 9 năm 2012 (31 tháng 12 năm 2011: 133 triệu VNĐ) nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Số dư đầu kỳ/năm	1.236.518.921	43.595.291.712
Tăng trong kỳ/năm	1.509.234.169	96.337.918.171
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(1.611.618.110)	(546.568.610)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(187.200.000)	(136.894.446.061)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(1.255.676.291)
Số dư cuối kỳ/năm	946.934.980	1.236.518.921

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Bất động sản đầu tư

	Trạm thu phát sóng
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	38.179.543.108
Tăng trong kỳ	356.455.933
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.611.618.110
Thanh lý	(202.012.815)
Xóa sổ	(21.898.183)
Số dư cuối kỳ	39.923.706.153
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	(22.674.318.518)
Hao mòn trong kỳ	(4.900.714.641)
Thanh lý	158.523.990
Xóa sổ	21.898.183
Số dư cuối kỳ	(27.394.610.986)
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	15.505.224.590
Số dư cuối kỳ	12.529.095.167

15. Đầu tư vào công ty liên kết

	30 tháng 9 năm 2012		31 tháng 12 năm 2011	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ	Số lượng cổ phiếu	VNĐ
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu ("GII") (*)	3.213.340	47.582.257.114	3.213.340	42.124.236.397
Công ty Cổ phần Thiên Vận	192.000	2.046.820.404	192.000	2.105.211.580
Công ty Cổ phần Định Vị Tiên Phong (**)	231.000	1.634.163.611	231.000	1.792.017.357
		51.263.241.129		46.021.465.334

(*) Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu ("GII") theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 411032000094 ngày 13 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012, Tập đoàn đã góp 32.119.400.000 VNĐ, tương đương 41,02% vốn cổ phần của GI, trong đó Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong ("ITD") và Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu ("GLT") lần lượt đã góp 0,02% và 41% vốn điều lệ của GI (31 tháng 12 năm 2011: 32.119.400.000 VNĐ, tương đương 41%, trong đó ITD và GLT lần lượt đã góp 0,02% và 41%).

(**) Theo Giấy phép Đăng ký Kinh doanh số 0310056838 ngày 17 tháng 9 năm 2010 của Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong, quyền biểu quyết của Tập đoàn là 25%. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012, Tập đoàn đã đầu tư 2.310 triệu đồng, tương đương 69,92% trong vốn góp thực tế (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 69,84%).

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Biến động giá trị đầu tư trong các Công ty liên kết trong kỳ/năm như sau:

	Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Số dư đầu kỳ/năm	46.021.465.334	51.858.917.667
Tăng trong kỳ/năm	-	200.000.000
Lợi nhuận được chia	5.241.775.795	5.126.817.916
Chuyển nhượng vốn	-	(8.864.031.204)
Phân loại lại	-	(2.636.000.000)
Điều chỉnh năm trước	-	335.760.955
	51.263.241.129	46.021.465.334

16. Đầu tư dài hạn khác

	30 tháng 9 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
Công ty Cổ phần Thanh toán Trực tuyến Mùa Xuân	2.650.000.000	2.650.000.000
Đầu tư 100.000 USD vào Công ty TNHH Hanel – CSF	1.831.595.000	1.831.595.000
Đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thái Sơn Tiên Phong	1.800.000.000	1.500.000.000
Khoản vay cung cấp cho Công ty TNHH Hanel – CSF (*)	1.098.957.000	1.098.957.000
Cho nhân viên vay để đầu tư vào Công ty Thiết bị điện Thạch Anh và không tính lãi suất	-	7.920.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm	4.093.621.073	5.109.552.471
	11.474.173.073	20.110.104.471

(*) Khoản vay cung cấp cho Công ty TNHH Hanel – CSF, bên liên quan, với lãi suất 16,8% một năm trong 3 năm kể từ tháng 3 năm 2011.

17. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn

Biến động dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn trong kỳ/năm như sau:

	Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Số dư đầu kỳ/năm	2.000.000.000	800.000.000
Tăng trong kỳ/năm	976.468.296	1.200.000.000
Số dư cuối kỳ/năm	2.976.468.296	2.000.000.000

Số dư khoản dự phòng cuối kỳ/năm bao gồm:

	30 tháng 9 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
Công ty Cổ phần Thái Sơn Tiên Phong	1.510.092.219	1.200.000.000
Công ty Cổ phần Định Vị Tiên Phong	1.466.376.077	800.000.000
	2.976.468.296	2.000.000.000

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

18. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí thuê đất trả trước	Chi phí thành lập	Chi phí trước hoạt động	Chi phí hội viên câu lạc bộ Gòn	Nâng cấp văn phòng	Chi phí bảo trì, bảo hành trạm	Thiết bị văn phòng	Phí chuyển giao công nghệ	Tổng cộng
Số dư đầu kỳ	11.178.562.500	115.132.674	8.661.551.223	815.060.326	2.462.034.300	617.805.771	2.870.544.103	-	26.720.690.897
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	595.860.290	250.914.043	348.591.240	1.379.217.167
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	-	-	-	1.220.404.011	-	-	-	1.220.404.011
Phân bổ trong kỳ	(281.812.500)	(29.610.000)	(2.262.546.840)	-	(881.016.723)	(347.348.224)	(1.014.728.916)	(96.830.900)	(4.913.894.103)
Số dư cuối kỳ	10.896.750.000	85.522.674	6.399.004.383	815.060.326	2.985.273.182	866.317.837	2.106.729.230	251.760.340	24.406.417.972

19. Tài sản dài hạn khác

	30 tháng 9 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
Ký quỹ, thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các hợp đồng kinh tế	2.579.985.271	2.753.880.480
Đặt cọc tiền thuê	2.264.317.785	2.300.678.000
Đặt cọc khác	248.681.695	216.932.120
	5.092.984.751	5.271.490.600

20. Lợi thế thương mại

	Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Số dư đầu kỳ/năm	3.121.664.128	3.374.772.030
Phân bổ trong kỳ/năm	(253.107.902)	(253.107.902)
Số dư cuối kỳ/năm	2.868.556.226	3.121.664.128

21. Vay ngắn hạn

	30 tháng 9 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
Vay ngắn hạn ngân hàng (a)	32.138.742.711	16.581.469.852
Vay ngắn hạn từ các cá nhân (b)	5.533.700.000	35.241.164.000
Vay ngắn hạn từ bên liên quan	-	1.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh 25)	59.130.965.160	18.098.357.580
	96.803.407.871	70.920.991.432

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

- (a) Các khoản vay từ Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Hồ Chí Minh, Ngân hàng Techcombank và Ngân hàng ACB được đảm bảo bằng phương tiện vận tải và hàng hoá của Công ty và Quyền sử dụng đất, tiền gửi có kỳ hạn và tài sản khác của thành viên Hội đồng Quản trị. Các khoản vay ngắn hạn này chịu lãi suất từ 6,5% đến 19,6% một năm (2011: 16,5% đến 21,79%).

Bao gồm trong khoản vay này có khoản vay ACB của Công ty Thiết bị Điện Thạch Anh ("QEC"), là Công ty con của Tập đoàn, trị giá 5.273 triệu VNĐ. Ngày 22 tháng 9 năm 2012, Ngân hàng ACB đã thông báo cho QEC yêu cầu chấm dứt các hợp đồng vay trước hạn và thanh toán số tiền vay đến hạn này.

- (b) Khoản vay từ các cá nhân khác, không cần bảo đảm và chịu lãi suất từ 11,4% đến 19,8% một năm (2011: 12% đến 21% một năm).

22. Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước

	30 tháng 9 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	4.648.415.540	6.203.704.853
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	68.118.143	874.185.491
Thuế xuất nhập khẩu	34.545.727	264.988.980
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.780.628.797	21.725.136.510
Thuế thu nhập cá nhân	742.124.470	2.171.943.693
Thuế nhà thầu	-	1.719.529.211
Các loại thuế khác	174.928.457	86.439.131
	20.448.761.134	33.045.927.869

23. Chi phí phải trả

	30 tháng 9 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
Trích trước chi phí cho dự án	8.621.774.084	2.671.580.481
Chi phí lãi vay	1.738.886.662	780.790.254
Chi phí lắp đặt, vận chuyển, nhân công trạm	1.120.613.610	2.760.324.131
Trích trước chi phí thuế nhà thầu phải trả	154.066.667	-
Chi phí dịch vụ chuyên môn	50.444.218	88.000.000
Chi phí phải trả khác	143.994.118	180.786.482
	11.829.779.359	6.481.481.348

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

24. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30 tháng 9 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
Phải trả khác cho cá nhân (*)	3.550.000.000	8.970.000.000
Cổ tức phải trả	3.311.566.500	960.000.000
Phải trả do phá vỡ hợp đồng	2.896.248.114	-
Phải trả thuế nhà thầu - Kho bạc Nhà Nước	1.254.105.556	-
Phải trả khác cho các bên liên quan (*)	991.562.217	793.158.550
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	590.429.711	183.350.927
Nhận đặt cọc, ký quỹ	584.077.000	684.777.000
Tài sản thừa chờ xử lý	285.840.407	285.840.407
Tiền thuê đất từ bên liên quan	145.166.667	284.348.160
Phí tiện ích	87.287.277	-
Doanh thu chưa thực hiện	61.728.939	-
Các khoản phải trả khác	270.021.959	1.368.837.966
	14.028.034.347	13.530.313.010

(*) Các khoản phải trả cho các bên liên quan không cần đảm bảo và không chịu lãi suất.

25. Vay dài hạn

	30 tháng 9 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
Khoản vay (a)	57.405.012.834	47.623.560.918
Khoản vay (b)	53.446.258.160	56.683.726.960
Khoản vay (c)	370.240.000	244.995.000
Khoản vay (d)	320.550.000	733.200.000
Khoản vay (e)	-	509.083.000
	106.042.060.994	105.794.565.878
Trừ: vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh 21)	(59.130.965.160)	(18.098.357.580)
	52.411.095.834	87.696.208.298

(a) Khoản vay dài hạn với hạn mức 60.000 triệu VNĐ từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Sài Gòn cho việc thực hiện xây dựng tòa nhà ITD, khoản vay được hoàn trả hàng quý bắt đầu từ ngày hoàn thành của tòa nhà ITD cho đến tháng 12 năm 2018, tòa nhà ITD được hoàn thành vào tháng 12 năm 2011. Khoản vay được bảo đảm bởi chính tòa nhà ITD và Quyền sử dụng đất của Công ty (xem Thuyết minh số 11 và 12) và chịu lãi suất từ 15% đến 21% một năm (2011: 19% đến 21% một năm).

(b) Khoản vay từ Ngân hàng ACB với hạn mức tín dụng là 26.788 triệu VNĐ, 25.000 triệu VNĐ và 8.212 triệu VNĐ và được hoàn trả ba tháng một lần trong 16 đợt bằng nhau bắt đầu từ 16 tháng 3 năm 2012, 27 tháng 3 năm 2012 và 18 tháng 8 năm 2012. Lãi suất thực tế bình quân cho khoản vay từ 16,50% đến 23,50% một năm (2011: từ 16,50% đến 22,50% một năm). Khoản vay dài hạn này được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Thạch Anh ("QEC") (xem Thuyết minh số 11 và 12) và 1.200.000 cổ phần Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu, thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong.

Khoản vay này do Công ty QEC vay Ngân hàng ACB để xây dựng nhà máy. Ngày 22 tháng 9 năm 2012, Ngân hàng ACB đã thông báo cho QEC yêu cầu chấm dứt các hợp đồng vay trước hạn và thanh toán tổng số tiền vay này.

(c) Khoản vay từ ngân hàng ACB để mua xe. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ khoản vay (xem thuyết minh số 11) và được hoàn trả trong vòng 36 tháng kể từ tháng 10 năm 2011. Khoản vay này chịu lãi suất 21,10% một năm.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

- (d) Khoản vay từ Ngân hàng Techcombank – Chi nhánh Tân Bình để mua xe. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ khoản vay và được hoàn trả trong vòng 24 tháng kể từ tháng 5 năm 2011. Khoản vay này chịu lãi suất 17,75% một năm.

26. Vốn chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu trong kỳ/năm như sau:

	Vốn điều lệ	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư, ngày 1 tháng 1 năm 2011	116.103.990.000	(15.680.000)	98.919.353	2.743.029.262	-	71.597.437.196	190.527.695.811
Lãi thuần trong năm phân bổ cho các cổ đông công ty mẹ	-	-	-	-	-	45.529.385.486	45.529.385.486
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(9.287.064.800)	(9.287.064.800)
Trích lập các quỹ	-	-	-	1.076.826.438	-	(5.289.947.331)	(4.213.120.893)
Hoàn nhập/điều chỉnh quỹ	-	-	(98.919.353)	(101.533.527)	-	98.919.353	(101.533.527)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	106.863.282	-	106.863.282
Điều chỉnh cho năm trước	-	-	-	(205.894.848)	-	(631.407.391)	(837.302.239)
Số dư, ngày 1 tháng 1 năm 2012	116.103.990.000	(15.680.000)	-	3.512.427.325	106.863.282	102.017.322.513	221.724.923.120
Tăng vốn do chia cổ tức bằng cổ phiếu	11.607.960.000	-	-	-	-	(11.607.960.000)	-
Lãi thuần trong năm phân bổ cho các cổ đông công ty mẹ	-	-	-	-	-	4.734.333.918	4.734.333.918
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(15.323.552.400)	(15.323.552.400)
Trích lập các quỹ	-	-	-	36.198.248	-	(1.234.873.364)	(1.234.873.364)
Chi nộp phạt và bổ sung thuế năm 2008	-	-	-	(425.527.039)	-	-	(425.527.039)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	(106.863.282)	-	(106.863.282)
Khác	-	-	-	-	-	(76.431.130)	(76.431.130)
Số dư, ngày 30 tháng 9 năm 2012	127.711.950.000	(15.680.000)	-	3.123.098.534	-	78.508.839.537	209.328.208.071

Vốn điều lệ được phê duyệt và đã phát hành của Công ty:

	30 tháng 9 năm 2012		31 tháng 12 năm 2011	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ	Số lượng cổ phiếu	VNĐ
Vốn điều lệ được phê duyệt	12.771.195	127.711.950.000	11.610.399	116.103.990.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	12.771.195	127.711.950.000	11.610.399	116.103.990.000
Mua lại cổ phiếu phổ thông đã phát hành	(1.568)	(15.680.000)	(1.568)	(15.680.000)
Số cổ phiếu phổ thông hiện đang lưu hành	12.769.627	127.727.630.000	11.608.831	116.088.310.000

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ.

Biến động của vốn điều lệ trong kỳ/năm:

	Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012		Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ	Số lượng cổ phiếu	VNĐ
Số dư đầu kỳ/năm	11.610.399	116.103.990.000	11.610.399	116.103.990.000
Phát hành trong kỳ/năm (*)	1.160.796	11.607.960.000	-	-
Số dư cuối kỳ/năm	12.771.195	127.711.950.000	11.610.399	116.103.990.000

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

(*) Ngày 9 tháng 3 năm 2012, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã có quyết định về việc chấp thuận cho Công ty được niêm yết bổ sung các cổ phiếu phát hành thêm với số lượng 1.160.796 cổ phiếu, tương đương 11.607.960.000 VNĐ. Số cổ phiếu phát hành thêm này để trả cổ tức cho năm 2010. Ngày niêm yết có hiệu lực bắt đầu từ ngày 13 tháng 3 năm 2012.

27. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Số dư đầu kỳ/năm	160.010.315.820	120.401.281.140
Chuyển nhượng vốn góp	(7.920.000.000)	-
Vốn góp bằng tiền mặt	1.683.483.692	27.219.123.695
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông thiểu số	(1.113.906.695)	32.855.308.530
Cổ tức được chia	(20.837.810.883)	(19.750.216.065)
Trích lập các quỹ	(1.490.115.519)	(916.652.869)
Điều chỉnh các quỹ	-	(41.466.473)
Mua cổ phiếu quỹ	(398.796.771)	(82.556.743)
Chênh lệch tỷ giá	-	173.424.555
Điều chỉnh cho năm trước	-	152.831.862
Khác	(74.891.120)	(761.812)
Số dư cuối kỳ/năm	129.858.278.524	160.010.315.820

28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012	Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011
Doanh thu bán hàng hóa	239.588.209.542	204.673.924.296
Doanh thu bán thành phẩm	11.955.194.491	14.459.706.079
Doanh thu cung cấp dịch vụ và kỹ thuật	54.188.470.081	43.201.401.040
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	22.520.846.122	19.617.187.965
Doanh thu xây dựng và lắp đặt	62.703.510.510	85.363.272.840
Tổng doanh thu	390.956.230.746	367.315.492.220
Hàng bán bị trả lại	(108.111.615)	(240.116.194)
Hàng bán giảm giá	-	-
Doanh thu thuần	390.848.119.131	367.075.376.026

29. Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012	Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011
Giá vốn hàng hóa	174.956.181.833	151.043.767.577
Giá vốn thành phẩm	6.295.921.363	6.369.303.633
Giá vốn dịch vụ và kỹ thuật cung cấp	43.114.774.074	17.998.987.905
Giá vốn cho thuê bất động sản đầu tư	12.487.310.539	10.458.978.392
Giá vốn xây dựng và lắp đặt	58.823.250.282	73.224.684.586
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.604.398.315	91.517.926
	297.281.836.406	259.187.240.019

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012	Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.601.688.000	3.258.499.513
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	733.029.184	211.072.763
Lãi tiền cho vay	539.705.717	602.334.944
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	310.233.119	773.978.152
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	95.950.489	577.280.345
Cổ tức và lợi nhuận được chia	20.611.690	54.900.000
Thu nhập từ bán cổ phần, thanh lý khoản đầu tư	-	9.422.000.000
Khác	40.629.881	480.366.828
	5.341.848.080	15.380.432.545

31. Chi phí tài chính

	Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012	Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011
Chi phí lãi vay	19.138.892.157	6.810.563.120
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.041.450.786	4.690.191.329
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	1.011.291.413	-
Khác	125.736.040	3.584.367
	21.317.370.396	11.504.338.816

32. Thu nhập khác

	Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012	Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	577.092.318	46.500.000
Thu tiền từ hoa hồng	37.319.045	128.183.868
Tiền thu từ phạt vi phạm hợp đồng	270.226.211	6.798.810
Hoàn nhập các khoản dự phòng	1.096.134.316	522.329.971
Thu nhập khác	270.437.125	1.332.722.390
	2.251.209.015	2.036.535.039

33. Chi phí khác

	Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012	Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011
Tiền phạt do vi phạm hợp đồng và phạt khác	4.051.970.869	181.404.746
Giá trị còn lại của tài sản cố định và tài sản dài hạn thanh lý	579.598.652	32.088.880
Phạt giao hàng trễ	347.854.391	-
Mất hàng tồn kho	247.799.478	-
Chi phí khác	120.189.864	241.066.936
	5.347.413.254	454.560.562

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất áp dụng

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu, công ty con, được miễn thuế TNDN đối với hoạt động sản xuất sản phẩm và thiết bị được sử dụng trong lĩnh vực viễn thông cho hai năm từ năm đầu tiên Công ty phát sinh lợi nhuận chịu thuế (2008 - 2009) và được giảm 50% thuế TNDN cho ba năm tiếp theo (2010 - 2012).

Đối với hoạt động chính của Công ty TNHH Phần Mềm Tiên Phong, công ty con, như được trình bày tại Thuyết minh số 1 của Thuyết minh Báo cáo Tài chính, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế trong 15 năm kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động và 25% cho các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế TNDN trong bốn năm kể từ năm đầu tiên phát sinh thu nhập chịu thuế (2008 - 2011) và giảm 50% thuế TNDN trong chín năm tiếp theo (2012 - 2020).

Theo Nghị định Số 60/2012/NĐ-CP qui định chi tiết thi hành Nghị quyết Số 29/2012/NQ-QH13 của Quốc hội về ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn của doanh nghiệp và cá nhân ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012, các hoạt động của các Công ty trong Tập đoàn đáp ứng được các tiêu chí của doanh nghiệp nhỏ và vừa, do đó các Công ty trong Tập đoàn được giảm 30% thuế TNDN cho toàn bộ năm 2012.

Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Chi phí thuế TNDN trong kỳ được tính như sau:

	Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012	Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Kỳ/Năm hiện hành	6.248.004.970	10.313.318.853
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
Các khoản chênh lệch tạm thời	28.706.625	(627.205.037)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	6.276.711.595	9.686.113.816

Việc tính thuế TNDN hiện hành còn tùy thuộc vào việc kiểm tra và phê duyệt của các cơ quan thuế.

Đối chiếu thuế suất thực tế

	Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012		Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011	
Lợi nhuận kế toán trước thuế	9.897.138.818	%	49.825.943.664	%
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	2.474.284.706	25,00%	12.456.485.916	25,00%
Ảnh hưởng của chênh lệch thuế suất áp dụng ở các Công ty con trong Tập đoàn	(218.613.562)	(2,21)%	(26.184.004)	(0,05)%
Ưu đãi thuế	(72.871.187)	(0,74)%	(938.362.786)	(1,88)%
Ảnh hưởng của giảm thuế	(2.261.977.292)	(22,85)%	-	0,00%
Thu nhập không chịu thuế từ lợi nhuận được chia từ công ty con	(1.346.491.199)	(13,60)%	(857.757.769)	(1,72)%
Thuế nộp thừa trong kỳ	100.048.841	1,01%	-	0,00%
Chi phí không được trừ	217.720.322	2,20%	(291.922.217)	(0,59)%
Tài sản thuế hoãn lại trên khoản chênh lệch tạm thời không ghi nhận	7.384.610.966	74,61%	(656.145.324)	(1,32)%
	6.276.711.595	63,42%	9.686.113.816	19,44%

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chủ yếu sau được Tập đoàn ghi nhận và tình hình biến động trong kỳ/năm như sau:

	Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	Ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2012
Chi phí bảo hành phải trả	48.187.637	-	48.187.637
Tài sản thuế hoãn lại trên khoản lãi chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ	1.728.956.790	28.706.625	1.700.250.165
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.777.144.427	28.706.625	1.748.437.802

35. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012 được dựa trên lợi nhuận phân phối cho các cổ đông phổ thông là 4.734.333.918 VNĐ (cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011: 24.553.254.732 VNĐ) và số lượng trung bình của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 12.576.161 cổ phiếu (cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011: 11.608.831 cổ phiếu). Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính như sau:

	Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Lợi nhuận sau thuế phân phối cho cổ đông công ty mẹ	4.734.333.918	24.553.254.732
Số lượng trung bình cổ phiếu phổ thông		
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	11.610.399	11.610.399
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành thêm	773.864	-
Ảnh hưởng mua lại cổ phiếu quỹ	(1.568)	(1.568)
Số lượng trung bình cổ phiếu phổ thông trong kỳ/năm	12.382.695	11.608.831
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	382	2.115

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tập đoàn không có công cụ tài chính nào có thể sẽ ảnh hưởng đến sự suy giảm tiềm tàng đối với cổ phiếu phổ thông.

36. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Tập đoàn chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính gồm có: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Tập đoàn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm ba loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Rủi ro tiền tệ

Tập đoàn chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là Đồng Việt Nam. Ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD"), đồng Euro ("EUR") và Đô la Singapore ("SGD").

Tập đoàn đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách mua và bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm khi cần thiết để hạn chế sự mất cân bằng trong ngắn hạn. Ban Giám đốc không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Rủi ro tiền tệ của Tập đoàn đối với USD, EUR và SGD như sau:

	30 tháng 9 năm 2012			31 tháng 12 năm 2011		
	USD	EUR	SGD	USD	EUR	SGD
Tài sản tài chính						
Tiền	13.932	4.055	-	19.736	5.079	-
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	270.000	-	-
Trả trước cho người bán	76.054	43.650	-	15.054	16.140	269.922
Tài sản ngắn hạn khác	-	-	-	85.478	-	-
	89.986	47.705	-	390.168	20.027	269.922
Nợ tài chính						
Vay ngắn hạn	-	-	-	54.130	-	-
Phải trả người bán	503.159	86.871	-	1.968.513	179.988	97.000
Trả trước cho người bán	-	-	-	5.931	-	-
	503.159	86.871	-	2.028.574	179.988	97.000

Rủi ro lãi suất

Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn theo lãi suất thả nổi. Rủi ro này sẽ được Tập đoàn quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Rủi ro giá

Tập đoàn có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty đã niêm yết và chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Giám đốc quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Giám đốc. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong hai năm vừa qua.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Tập đoàn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tập đoàn có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị còn lại của số dư phải thu khách hàng, trả trước cho người bán và phải thu khác như trình bày trên Bảng Cân đối Kế toán.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tập đoàn duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp vốn nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tập đoàn phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1 – 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
30 tháng 9 năm 2012				
Các khoản vay	96.803.407.871	42.357.336.208	10.053.759.626	149.214.503.705
Phải trả người bán	72.281.900.499	-	-	72.281.900.499
Người mua trả tiền trước	45.697.303.379	-	-	45.697.303.379
Chi phí phải trả	11.829.779.359	-	-	11.829.779.359
Phải trả khác	14.028.034.347	1.159.905.985	-	15.187.940.332
	240.640.425.455	43.517.242.193	10.053.759.626	294.211.427.274
31 tháng 12 năm 2011				
Các khoản vay	70.920.991.432	73.042.804.939	14.653.403.359	158.617.199.730
Phải trả người bán	110.615.831.291	292.884.003	-	110.908.715.294
Người mua trả tiền trước	31.384.199.605	1.462.528.500	-	32.846.728.105
Chi phí phải trả	6.262.921.348	218.560.000	-	6.481.481.348
Phải trả khác	13.442.185.994	88.127.016	1.228.632.200	14.758.945.210
	232.626.129.670	75.104.904.458	15.882.035.559	323.613.069.687

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn khi tính đến thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 – 5 năm	Tổng
30 tháng 9 năm 2012			
Đầu tư ngắn hạn	3.924.724.759	-	3.924.724.759
Phải thu khách hàng	127.611.601.430	-	127.611.601.430
Trả trước cho người bán	12.309.473.026	-	12.309.473.026
Phải thu khác	4.905.264.757	-	4.905.264.757
Đầu tư dài hạn khác	-	11.474.173.073	11.474.173.073
	148.751.063.972	11.474.173.073	160.225.237.045
31 tháng 12 năm 2011			
Đầu tư ngắn hạn	11.282.011.827	-	11.282.011.827
Phải thu khách hàng	161.996.541.519	8.870.775.225	170.867.316.744
Trả trước cho người bán	19.957.904.304	393.315.147	20.351.219.451
Phải thu khác	4.656.036.989	-	4.656.036.989
Đầu tư dài hạn khác	4.567.337.373	15.542.767.098	20.110.104.471
	202.459.832.012	24.806.857.470	227.266.689.482

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tập đoàn chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 30 tháng 9 năm 2012 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các nghiệp vụ chủ yếu với Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Bản chất của giao dịch	Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012	Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Mượn tiền	-	(1.048.598.838)

Số dư công nợ của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc tại ngày 30 tháng 9 năm 2012 như sau:

Bên liên quan	Bản chất số dư	30 tháng 9 năm 2012	31 tháng 12 năm 2010
Các khoản phải trả			
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Phải trả phi thương mại	-	(50.000.000)

Thu nhập của Ban Giám đốc trong kỳ như sau:

	Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012	Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011
Tiền lương và các khoản thu nhập khác	980.876.000	789.500.000

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Các giao dịch chủ yếu của các bên liên quan trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất giao dịch	Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012	Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011
Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong	Công ty liên kết	Góp vốn		11.422.993
		Bán hàng và cung cấp dịch vụ	41.225.531	
		Cho vay	120.000.000	200.000.000
		Lãi cho vay	39.780.000	-
		Cho mượn tiền	19.500.000	-
		Mua CCDC	(29.886.045)	-
		Góp vốn	(200.000.000)	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vận	Công ty liên kết	Trả thay	-	89.804.758
		Bán hàng và cung cấp dịch vụ	372.656.948	2.505.000
		Mua hàng hóa và dịch vụ	(531.010.794)	(69.470.560)
		Phí tiện ích	(565.079)	(11.178.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu	Công ty liên kết	Cho mượn tiền	182.113.083	-
		Bán hàng hóa và dịch vụ	442.247.140	88.448.927
		Nhận ký quỹ thuê Vp và kho	102.200.000	-
		Phải trả chi phí tiện ích	(4.498.251)	-
Công ty Cổ phần Thanh toán Trực tuyến Mùa Xuân	Bên liên quan	Trả thay	45.193.817	2.413.563
		Chuyển nhượng cổ phiếu		7.820.000.000
		Bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.896.000	27.306.736
Công ty cổ phần Thái Sơn Tiên Phong	Bên liên quan	Nhận cổ tức	-	54.900.000
		Đầu tư vào công ty liên kết	(300.000.000)	(360.000.000)
		Lãi cho vay	88.790.000	40.245.000
		Bán hàng và cung cấp dịch vụ	850.778.906	-
Atlas CSF SDN. BHD	Bên liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	(2.288.000)	(950.000)
		Cổ tức công bố	(1.280.000.000)	(640.000.000)
		Cổ tức đã trả	(1.600.000.000)	(640.000.000)
Site Preparation Management Co Ltd	Bên liên quan	Mua hàng hoá và dịch vụ	-	(68.661.900)
		Cổ tức công bố	(1.856.000.000)	(928.006.498)
		Cổ tức đã trả	(928.000.000)	-
Electrotecnica Arteche Hermanos, S.A	Bên liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	(79.166.142)	-
		Nhận góp vốn	-	2.616.100.000
		Mua quyền sử dụng công nghệ	1.386.600.000	3.017.800.000
		Mua nguyên vật liệu	(152.213.421)	-

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Trong số dư phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả khách hàng và phải trả khác có các số dư nội bộ tại ngày 30 tháng 9 năm 2012 như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất số dư	30 tháng 9 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
Các khoản phải thu				
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vận	Công ty liên kết	Phải thu thương mại	290.841.988	1.055.791
Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong	Công ty liên kết	Phải thu thương mại	511.161.685	385.213.599
		Phải thu phi thương mại	58.940.000	245.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu	Công ty liên kết	Phải thu thương mại	68.366.358	2.458.433.486
Công ty Cổ phần Thanh toán Trực tuyến Mùa Xuân quan	Bên liên quan	Phải thu thương mại	15.486.000	16.937.567
Công ty cổ phần Thái Sơn Tiên Phong	Bên liên quan	Phải thu thương mại	825.826.997	-
		Phải thu phi thương mại	291.710.000	1.010.829.092
Các khoản phải trả				
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vận	Công ty liên kết	Phải trả thương mại	(2.092.128.480)	-
		Phải trả phi thương mại	(10.974.264.943)	(856.302.437)
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu	Công ty liên kết	Phải trả thương mại	-	(513.102.668)
		Phải trả phi thương mại	102.200.000	(37.416.090)
Atlas CSF SDN. BHD	Bên liên quan	Phải trả phi thương mại	(640.000.000)	(960.000.000)
Site Preparation Management Co Ltd	Bên liên quan	Phải trả phi thương mại	928.000.000	-
Electrotecnica Artech Hermanos, S.A	Bên liên quan	Phải trả thương mại	(1.882.492.088)	(343.678.667)

Các khoản phải thu/(phải trả) phi thương mại từ/(cho) công ty liên kết và bên liên quan là không được đảm bảo, không tính lãi và không ấn định thời gian hoàn trả.

38. Các khoản công nợ tiềm tàng

Theo Quyết định số 2476/QĐ-CT-KTr4 của Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh ("Cục thuế") vào ngày 20 tháng 6 năm 2012 liên quan đến việc quyết toán thuế năm 2008 của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu ("GLT"), một công ty con trong Tập đoàn, Cục thuế đã không đồng ý cho việc áp dụng ưu đãi thuế cho hoạt động đầu tư mở rộng sản xuất thuộc lĩnh vực danh mục đặc biệt ưu đãi "lĩnh vực sản xuất thiết bị cất lọc sét dùng trong mạng viễn thông" theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 và Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2007. Trên cơ sở đó, Cục thuế đã ra quyết định phạt và truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 đối với Công ty GLT cho hoạt động này với số tiền là 6.577 triệu VNĐ.

Ngày 11 tháng 11 năm 2012, Công ty GLT đã gửi Đơn khiếu nại lên Tổng Cục Thuế về khoản thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi này. Cho đến ngày phát hành báo cáo, chưa có thêm bất cứ kết luận nào của Tổng Cục Thuế về vấn đề này.

Tổng số thuế truy thu năm 2008 và ước tính truy thu thêm từ năm 2009 đến 2011 vào khoảng 12.786 triệu VNĐ. Khoản công nợ tiềm tàng này chưa được điều chỉnh vào báo cáo tài chính của Công ty GLT cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012 do chưa có cơ sở chắc chắn để ước đoán kết luận cuối cùng của cơ quan thuế.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

39. Chi phí sản xuất và hoạt động theo yếu tố

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu trong kỳ như sau:

	Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012	Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011
Chi phí hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp	258.782.978.133	256.936.951.123
Chi phí công nhân viên	46.909.805.744	41.303.066.509
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.319.737.475	25.131.630.843
Chi phí khấu hao và phân bổ	23.724.051.732	9.229.944.508
Chi phí nguyên vật liệu	16,848,653,996	22.660.426.180
Thiết bị văn phòng và văn phòng phẩm	2.235.130.125	1.096.289.849
Chi phí khác	8.028.981.868	5.503.416.875

Người lập:



TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG DUNG
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 27 tháng 11 năm 2012

Người phê duyệt:



NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

PHỤ LỤC I - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 30 tháng 9 năm 2012 và 31 tháng 3 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	31 tháng 3 năm 2012 (Chưa soát xét)	30 tháng 9 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	407.430.699.989	353.744.229.843	422.275.406.282
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	36.024.398.149	42.035.764.800	50.601.583.927
Tiền	111	16.447.666.360	20.378.959.169	37.497.448.822
Các khoản tương đương tiền	112	19.576.731.789	21.656.805.631	13.104.135.105
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	15.934.913.268	3.924.724.759	11.282.011.827
Đầu tư tài chính ngắn hạn	121	15.934.913.268	3.924.724.759	11.282.011.827
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	157.559.418.729	141.523.749.803	193.586.625.704
Phải thu khách hàng	131	131.155.249.935	127.611.601.430	170.867.316.744
Trả trước cho người bán	132	21.396.025.053	12.309.473.026	20.351.219.451
Phải thu khác	135	7.296.091.221	4.905.264.757	4.656.036.989
Dự phòng phải thu khó đòi	139	(2.287.947.480)	(3.302.589.410)	(2.287.947.480)
Hàng tồn kho	140	161.581.665.709	145.355.485.958	129.110.898.997
Hàng tồn kho	141	168.061.814.914	153.484.208.771	135.752.767.456
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(6.480.149.205)	(8.128.722.813)	(6.641.868.459)
Tài sản ngắn hạn khác	150	36.330.304.134	20.904.504.523	37.694.285.827
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.323.523.987	2.583.014.492	3.517.491.118
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	8.696.622.964	6.139.802.168	6.576.074.561
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	34.739.942	31.861.171	12.016.278
Tài sản ngắn hạn khác	158	23.275.417.241	12.149.826.692	27.588.703.870
TÀI SẢN DÀI HẠN	200	337.520.864.569	324.572.728.427	344.912.117.628
Các khoản phải thu dài hạn	210	530.647.095	-	3.000.000
Phải thu dài hạn khác	218	530.647.095	-	3.000.000
Tài sản cố định	220	224.218.808.856	218.166.290.603	228.381.333.181
Tài sản cố định hữu hình	221	155.897.923.382	150.675.575.827	159.179.718.543
- Nguyên giá	222	176.573.146.233	177.828.621.934	176.872.015.253
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(20.675.222.851)	(27.153.046.107)	(17.692.296.710)
Tài sản cố định vô hình	227	66.983.111.227	66.543.779.796	67.965.095.717
- Nguyên giá	228	70.458.496.781	72.199.163.448	70.498.746.381
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(3.475.385.554)	(5.655.383.652)	(2.533.650.664)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	1.337.774.247	946.934.980	1.236.518.921
Bất động sản đầu tư	240	13.930.799.252	12.529.095.167	15.505.224.590
- Nguyên giá	241	38.186.735.835	39.923.706.153	38.179.543.108
- Giá trị hao mòn lũy kế	242	-24.255.936.583	(27.394.610.986)	(22.674.318.518)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	63.557.111.558	59.760.945.906	64.131.569.805
Đầu tư vào công ty liên kết	252	47.902.167.460	51.263.241.129	46.021.465.334
Đầu tư dài hạn khác	258	19.354.944.098	11.474.173.073	20.110.104.471
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	(3.700.000.000)	(2.976.468.296)	(2.000.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260	32.246.202.981	31.247.840.525	33.769.325.924
Chi phí trả trước dài hạn	261	26.281.784.967	24.406.417.972	26.720.690.897
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	1.474.876.368	1.748.437.802	1.777.144.427
Tài sản dài hạn khác	268	4.489.541.646	5.092.984.751	5.271.490.600
Lợi thế thương mại	269	3.037.294.827	2.868.556.226	3.121.664.128
TỔNG TÀI SẢN	270	744.951.564.558	678.316.958.270	767.187.523.910

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

PHỤ LỤC I - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 9 năm 2012 và 31 tháng 3 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	31 tháng 3 năm 2012	30 tháng 9 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
		(Chưa soát xét)		
NỢ PHẢI TRẢ	300	365.170.430.388	339.130.471.675	385.452.284.970
Nợ ngắn hạn	310	260.875.678.929	274.403.491.425	291.158.127.023
Vay ngắn hạn	311	61.592.640.400	96.803.407.871	70.920.991.432
Phải trả người bán	312	94.888.079.877	72.281.900.499	110.908.715.294
Người mua trả tiền trước	313	41.267.284.899	45.697.303.379	32.846.728.105
Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	22.012.940.503	20.448.761.134	33.045.927.869
Phải trả người lao động	315	1.191.347.020	571.199.753	9.012.839.920
Chi phí phải trả	316	9.657.295.899	11.829.779.359	6.481.481.348
Phải trả nội bộ	318	45.486.285	-	37.782.561
Phải trả khác	319	17.170.125.202	14.028.034.347	13.530.313.010
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	8.600.866.834	8.633.803.171	8.493.596.419
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	4.449.612.010	4.109.301.912	5.879.751.065
Nợ dài hạn	330	104.294.751.459	64.726.980.250	94.294.157.947
Phải trả dài hạn khác	333	972.738.200	1.159.905.985	1.228.632.200
Vay dài hạn	334	92.098.903.807	52.411.095.834	87.696.208.298
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	1.220.892.036	1.070.830.046	1.318.040.858
Doanh thu chưa thực hiện	338	7.078.855.757	7.344.974.994	1.027.167.454
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	2.923.361.659	2.740.173.391	3.024.109.137
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	222.637.662.631	210.497.959.296	221.724.923.120
Vốn chủ sở hữu	410	222.637.662.631	210.497.959.296	221.724.923.120
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	127.711.950.000	127.711.950.000	116.103.990.000
Cổ phiếu quỹ	414	(15.680.000)	(15.680.000)	(15.680.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	(19.145.351)	-	106.863.282
Quỹ dự phòng tài chính	418	3.800.722.166	3.123.098.534	3.512.427.325
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	91.159.815.816	78.508.839.537	102.017.322.513
LỢI ÍCH CŨ ĐỒNG THIỂU SỐ	439	157.143.471.539	129.858.278.524	160.010.315.820
TỔNG NGUỒN VỐN	440	744.951.564.558	678.316.958.270	767.187.523.910

Người lập:



TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG DUNG
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 27 tháng 11 năm 2012

Người phê duyệt:



NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

PHỤ LỤC II - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012, kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012 và

kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (Chưa soát xét)	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012 (Chưa soát xét)	Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012	Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	120.383.694.977	270.572.535.769	390.956.230.746	367.315.492.220
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	(24.644.543)	(83.467.072)	(108.111.615)	(240.116.194)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	120.359.050.434	270.489.068.697	390.848.119.131	367.075.376.026
Giá vốn hàng bán	11	(89.684.041.104)	(207.597.795.302)	(297.281.836.406)	(259.187.240.019)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	30.675.009.330	62.891.273.395	93.566.282.725	107.888.136.007
Doanh thu hoạt động tài chính	21	908.549.676	4.433.298.404	5.341.848.080	15.380.432.545
Chi phí tài chính	22	(7.317.059.816)	(14.000.310.580)	(21.317.370.396)	(11.504.338.816)
Chi phí bán hàng	24	(8.570.857.209)	(21.208.592.368)	(29.779.449.577)	(30.848.584.433)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(12.898.040.524)	(27.161.703.045)	(40.059.743.569)	(35.988.811.138)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	2.797.601.457	4.953.965.806	7.751.567.263	44.926.834.165
Thu nhập khác	31	157.973.095	2.093.235.920	2.251.209.015	2.036.535.039
Chi phí khác	32	(84.860.721)	(5.262.552.533)	(5.347.413.254)	(454.560.562)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	40	73.112.374	(3.169.316.613)	(3.096.204.239)	1.581.974.477
Thu nhập từ đầu tư vào công ty liên kết		1.561.931.062	3.679.844.732	5.241.775.794	3.317.135.022
Lợi nhuận kế toán trước thuế	50	4.432.644.893	5.464.493.925	9.897.138.818	49.825.943.664
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	(2.424.537.388)	(3.823.467.582)	(6.248.004.970)	(10.313.318.853)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	(294.048.288)	265.341.663	(28.706.625)	627.205.037
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	1.714.059.217	1.906.368.006	3.620.427.223	40.139.829.848

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

PHỤ LỤC II - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012, kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012 và
kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi tiêu	Mã số	Cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (Chưa soát xét)	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012 (Chưa soát xét)	Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012	Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông thiểu số		(110.585.912)	(1.003.320.783)	(1.113.906.695)	15.586.575.116
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông công ty mẹ		1.603.473.305	3.130.860.613	4.734.333.918	24.553.254.732
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		138	257	382	2.115

Người lập:



TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG DUNG
Kế toán trưởng
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 27 tháng 11 năm 2012

Người phê duyệt:



NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT
Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

PHỤ LỤC III - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (phương pháp gián tiếp)

cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012, kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012 và

kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (Chưa soát xét)	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (Chưa soát xét)	Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012	Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
Lợi nhuận trước thuế trong kỳ	01	4.432.644.893	5.464.493.925	9.897.138.818	49.825.943.664
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>					
Khấu hao và phân bổ	02	5.506.279.096	18.217.772.636	23.724.051.732	9.229.944.508
Thay đổi các khoản dự phòng	03	-	3.666.151.584	3.666.151.584	(2.435.438.303)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	(95.950.489)	(95.950.489)	(577.280.345)
Lỗi/(lãi) từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	05	-	2.506.334	2.506.334	(14.411.120)
Lãi từ hoạt động đầu tư	06	2.351.268.579	(12.488.078.965)	(10.136.810.386)	(16.790.804.575)
Chi phí lãi vay	07	4.071.636.506	15.067.255.651	19.138.892.157	6.810.563.120
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi của vốn lưu động	08	16.361.829.074	29.834.150.676	46.195.979.750	46.118.766.596
Giảm các khoản phải thu	09	33.356.287.813	19.294.168.329	52.650.456.142	73.778.973.841
Tăng hàng tồn kho	10	(32.470.766.712)	14.739.325.397	(17.731.441.315)	(106.051.473.044)
Giảm các khoản phải trả và chi phí phải trả	11	(28.177.418.942)	(30.082.931.261)	(58.260.350.203)	(13.318.284.225)
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	(367.126.939)	1.301.603.565	934.476.626	(1.406.465.619)
Tiền lãi vay đã trả	13	-	(18.180.795.749)	(18.180.795.749)	(9.571.321.304)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	6.580.939.989	(19.773.452.672)	(13.192.512.683)	(3.677.476.491)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	15	4.313.286.629	(4.313.286.629)	-	(2.110.294.703)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	655.940.321	14.961.442.706	15.617.383.027	2.844.143.492
Lưu chuyển tiền thuần cung cấp từ/(sử dụng cho) hoạt động kinh doanh	20	252.971.233	7.780.224.362	8.033.195.595	(13.393.431.457)

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

PHỤ LỤC III - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)

cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012, kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012 và

kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (Chưa soát xét)	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012 (Chưa soát xét)	Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012	Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
Mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	230.670.567	(5.969.333.856)	(5.738.663.289)	(76.750.267.985)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	577.092.318	577.092.318	46.500.000
Tiền chi cho vay, mua lại các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4.652.901.441)	(59.090.317.423)	(63.743.218.864)	(220.257.243.445)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	70.800.505.932	70.800.505.932	218.270.824.019
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.477.302.398)	2.477.302.398	-	(5.833.052.775)
Thu hồi các khoản đầu tư ngắn hạn	26	-	7.885.931.398	7.885.931.398	26.757.515.191
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	(789.337.517)	4.321.440.033	3.532.102.516	4.210.119.553
Tiền chi thuần để mua công ty con	28	84.369.301	(84.369.301)		
Lưu chuyển tiền thuần cung cấp từ/(sử dụng cho) hoạt động đầu tư	30	(7.604.501.488)	20.918.251.499	13.313.750.011	(56.251.492.740)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
Nhận góp vốn của cổ đông thiểu số	31	11.607.960.000	(9.924.476.308)	1.683.483.692	11.168.500.000
Chi tiền mua vốn góp của cổ đông thiểu số	32	-	(7.920.000.000)	(7.920.000.000)	-
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	(4.925.655.523)	148.122.830.439	143.197.174.916	200.052.227.629
Tiền chi trả nợ gốc vay ngắn hạn và dài hạn	34	-	(151.549.870.941)	(151.549.870.941)	(160.159.005.113)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(13.907.960.000)	(1.415.592.400)	(15.323.552.400)	(9.287.064.800)
Lưu chuyển tiền thuần cung cấp từ/(sử dụng cho) hoạt động tài chính	40	(7.225.655.523)	(22.687.109.210)	(29.912.764.733)	41.774.657.716
TĂNG TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(14.577.185.778)	6.011.366.651	(8.565.819.127)	(27.870.266.481)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	50.601.583.927	36.024.398.149	50.601.583.927	49.229.141.377
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	36.024.398.149	42.035.764.800	42.035.764.800	21.358.874.896

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

PHỤ LỤC III - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)
cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012, kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012 và
kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

BỘ SUNG THUYẾT MINH VỀ GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN CHỦ YẾU

Trong kỳ có các giao dịch bằng không bằng tiền chủ yếu sau :

Nội dung	Cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 (Chưa soát xét)	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012 (Chưa soát xét)	Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012	Cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011
Góp vốn bằng phát hành cổ phần	11.607.960.000	-	11.607.960.000	-
Kết chuyển chi phí xây dựng cơ bản dở dang sang tài sản cố định	-	187.200.000	187.200.000	40.544.738.836
Kết chuyển tài sản cố định sang chi phí trả trước dài hạn	-	1.220.404.011	1.220.404.011	-
Kết chuyển chi phí xây dựng cơ bản dở dang sang bất động sản đầu tư	-	1.611.618.110	1.611.618.110	-
Mua tài sản cố định chưa thanh toán	-	-	-	-
Cần trừ khoản đầu tư dài hạn với khoản vay ngắn hạn	-	1.050.000.000	1.050.000.000	1.445.611.999
Góp vốn bằng chuyển giao công nghệ	-	-	-	-
Kết chuyển khấu hao tài sản cố định sang chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	2.616.100.000
Vốn hóa chi phí lãi vay vào nguyên giá tài sản cố định	-	-	-	477.690.616
	-	-	-	6.344.504.300

Người lập:



TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG DUNG
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 27 tháng 11 năm 2012



Người phê duyệt:

NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT
Tổng Giám đốc